

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/DS-PT

Ngày: 13/12/2023

*“Yêu cầu chấm dứt hành vi
cản trở QSD đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trung;

Ông Lê Văn Luật.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành - Thư ký Chính Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2023/TLPT-DS ngày 09/10/2023 về việc *“Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất”*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 156/2023/QĐ-PT ngày 24/11/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn N, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Th: Ông Trần Hoàng Ph, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Tr, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (giấy ủy quyền ngày 20/11/2023), có mặt.

2. Bị đơn: - Ông Nguyễn T, sinh năm 1973, bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Th, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Văn Viết D – Công chức địa chính xã H, huyện H (văn bản ủy quyền ngày 15/5/2023), vắng mặt.

- Ông Nguyễn Ph, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

4. Vụ án được đưa ra xét xử do có kháng cáo của ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Ng là bị đơn và kháng cáo của ông Nguyễn Ph là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2022 của nguyên đơn bà Lê Thị Th và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Ph trước đây là vợ chồng, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã H), huyện H, tỉnh Quảng Trị vào năm 1987. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn, nên bà nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện H yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Ph.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/DSST ngày 22/8/2000 của Tòa án nhân dân huyện H và Bản án phúc thẩm số 08/LHPT ngày 25/9/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, giữa nguyên đơn: Bà Lê Thị Th và bị đơn: Ông Nguyễn Ph có nội dung: Giao cho bà Lê Thị Th sở hữu một ngôi nhà xây bờ lô, mái lợp tôn Fibrô xi măng và tạm giao quản lý diện tích đất là 1.944m² (chiều dài 108m, chiều rộng 18m) tại thôn T, xã H (nay là Thôn N, xã H), huyện H, tỉnh Quảng Trị, thửa đất có tứ cạnh như sau: Mặt tiền giáp Quốc lộ 1A tính từ mép nhà phía Nam (hướng Huế) ra 01m, kéo đến ranh giới nhà ông Trần Viết G là mặt tiền 18m x 108m (chiều dài).

Tuy nhiên, hiện nay ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Ng là anh, chị, em của ông Nguyễn Ph trồng cây, làm nhà và cản trở không cho bà Th sử dụng diện tích đất nói trên.

Vì vậy, bà Lê Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Ng “*chấm dứt hành vi lấn chiếm 1.944m²*” mà Toà án đã tạm giao cho bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Th thay đổi yêu cầu khởi kiện từ việc buộc ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Ng “*chấm dứt hành vi lấn chiếm 1.944m²*” thành yêu cầu ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Ng “*chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*”.

2. Bị đơn ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Ông T, bà Ng và bà D là con đẻ của ông Nguyễn O và bà Nguyễn Thị Đ (đều đã chết). Ông O, bà Đ sử dụng thửa đất này từ năm 1976 và có diện tích 4.920m²; địa chỉ thửa đất tại thôn Ph - Tân L, xã H (nay là Thôn N, xã H), huyện H, tỉnh Quảng Trị. Ủy ban nhân dân xã H xác nhận đất này do ông Nguyễn O, bà Nguyễn Thị Đ khai hoang từ năm 1976, đất không có tranh chấp, gia đình sử dụng ổn định từ năm 1976 đến nay, chiều rộng thửa đất là 41m, chiều sâu thửa đất là 120m. Ông Nguyễn Ph và bà Lê Thị Th kết hôn năm 1987; ông Nguyễn

O, bà Nguyễn Thị Đ cho mượn đất ở nhờ, làm kinh tế từ năm 1988 với diện tích là 3.479m²/4.920m². Ông Nguyễn O, bà Nguyễn Thị Đ không cho đất, bà Th cũng không có chứng cứ để chứng minh việc ông Nguyễn O, bà Nguyễn Thị Đ đã cho đất.

Ông Nguyễn Ph và bà Lê Thị Th ly hôn vào năm 2000, bà Th yêu cầu chia đất thì ông Nguyễn O, bà Nguyễn Thị Đ phản đối, việc Tòa án không chấp nhận ý kiến của ông Nguyễn O, bà Nguyễn Thị Đ mà chia đất cho bà Th là trái quy định của pháp luật. Thời kỳ đó, ông T, bà D và bà Ng không biết, không được tham gia phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm.

Việc bà Lê Thị Th cho rằng các ông, bà lấn chiếm đất và cản trở bà Th thực hiện quyền sử dụng đất là không đúng, vì đất này là của ông Oa, bà Đen khai hoang từ năm 1976. Hiện nay, ông T, bà Ng, bà D đang sử dụng để trồng tràm và làm bãi tập kết vật liệu xây dựng, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ph trình bày:

Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/DSST ngày 22/8/2000 của Tòa án nhân dân huyện H và Bản án phúc thẩm số 08/LHPT ngày 25/9/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đều trái pháp luật, ông Ph đã làm đơn gửi Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu xem xét theo thủ tục tái thẩm đối với hai bản án nói trên. (ngày 15/3/2023 TANDTC có thông báo số 120/TB –TA không có căn cứ kháng nghị bản án số 08/LHPT)

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, thì ông Ph có ý kiến như sau: Ông O, bà Đ chỉ cho ông Ph và bà Th ở nhờ trên diện tích đất này, sau khi ông O, bà Đ chết thì toàn bộ diện tích đất đó do các anh, chị, em ông Ph quản lý và sử dụng. Sau khi ly hôn, bà Th đã đi khỏi địa phương và bà Th cũng hết quyền yêu cầu thi hành án.

Do đó, ông Ph không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th và yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã H, huyện H trình bày:

Diện tích đất các bên đang tranh chấp thuộc thửa đất số 407, tờ bản đồ số 25 và được quy hoạch đất ở, nếu không có tranh chấp thì đủ điều kiện xem xét để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 12, Điều 166 Luật đất đai; căn cứ Điều 169 Bộ luật dân; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th. Buộc ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Ng chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Th với diện tích 1.944m² tại thửa đất số 407, tờ bản đồ số 25, địa chỉ thửa đất tại Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Thửa đất có tứ cạnh như sau:

- Phía Bắc: Giáp đất bà Nguyễn Thị H (ông Trần Việt G), có cạnh dài 108m.
- Phía Nam: Giáp phần đất Tòa án tạm giao cho ông Nguyễn Ph, có cạnh dài 108m.
- Phía Đông: Giáp Quốc lộ 1A, có cạnh dài 18m.
- Phía Tây: Giáp đất nghĩa địa do Ủy ban nhân dân xã H quản lý, có cạnh dài 18m.

Buộc ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Ng tháo dỡ và di dời toàn bộ công trình xây dựng và tài sản ra khỏi phần đất mà Tòa án đã tạm giao của bà Lê Thị Th, trừ khối lượng đất mà ông T, bà D và bà Ng đổ đổ san nền.

Buộc bà Lê Thị Th phải trả tiền đổ đất san nền cho ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Ng là 7.902.000đồng.

Về án phí: Ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

6. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/8/2023 bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ph kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không khách quan, sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ph. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do người khởi kiện không có quyền khởi kiện, chưa có đủ điều kiện khởi kiện.

7. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành thủ tục tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217; khoản 4 Điều 308; Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Ng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ph:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H và đình chỉ giải quyết vụ án.

Về xử lý tiền tạm ứng án phí DSST và DSPT: Căn cứ khoản 3 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

- Trả lại cho nguyên đơn bà Lê Thị Th số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 950.000 đồng.

- Trả lại cho bị đơn ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Ng số tiền tạm ứng án phí DSPT đã nộp là 300.000 đồng.

- Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ph số tiền tạm ứng án phí DSPT đã nộp là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã H, huyện H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ph kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm đúng chủ thể và trong thời hạn được quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Ng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ph, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Ph trước đây là vợ chồng. Sau khi kết hôn vào năm 1987, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn, nên bà nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện H yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Ph và được Tòa án giải quyết cho ly hôn và phân chia tài sản chung.

Tại phần quyết định phân chia tài sản chung về quyền sử dụng đất của Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/DSST ngày 22/8/2000 của Tòa án nhân dân huyện H và Bản án phúc thẩm số 08/LHPT ngày 25/9/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

“- Tạm giao cho bà Lê Thị Th quản lý diện tích đất là 1.944m² (chiều dài 108m, chiều rộng 18m), ranh giới phía Nam giáp đất tạm giao cho ông Nguyễn Ph, phía Bắc giáp vườn nhà ông G, phía Tây giáp vườn bạch đàn, phía Đông giáp Quốc lộ 1A. Tại thôn T, xã H (nay là Thôn N, xã H), huyện H, tỉnh Quảng Trị.

- Tạm giao cho ông Nguyễn Ph 1.512m² (chiều dài 108m, chiều rộng 14m), ranh giới phía Bắc giáp đất tạm giao cho bà Lê Thị Th, phía Nam giáp vườn nhà ông Tin, phía Tây giáp vườn bạch đàn, phía Đông giáp Quốc lộ 1A. Tại thôn T, xã H (nay là Thôn N, xã H), huyện H, tỉnh Quảng Trị”.

Sau khi Bản án trên đã có hiệu lực pháp luật, ngày 10/10/2000 bà Lê Thị Th có Đơn yêu cầu thi hành án. Đội Thi hành án huyện H đã căn cứ Pháp lệnh thi hành án, ra quyết định số 58/THA ngày 10/10/2000 thi hành bản án số 08/PTLH ngày 25/9/2000 của TAND tỉnh Quảng Trị.

Trong quá trình tổ chức thi hành án, ngày 26/8/2005 của Đội thi hành án huyện H xác minh về điều kiện thi hành án chia đất của bà Lê Thị Th ở tại T, H: Do diện tích đất tạm giao của bà Lê Thị Th đang có tranh chấp địa giới hành chính giữa tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên Huế; nên ngày 29/8/2005, Đội thi hành án huyện H đã Quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án cho bà Lê Thị Th.

Đến ngày 13/5/2019, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 31/NQ-CP phân định lại địa giới hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế - tỉnh Quảng Trị, thì phần diện tích đất 1.944 m² Tòa án tạm giao cho bà Lê Thị Th quản lý theo Bản án số 08/PTLH ngày 25/9/2000, thuộc địa giới hành chính Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Vì vậy, bà Lê Thị Th có quyền yêu cầu Cơ quan THA huyện H tiếp tục thi hành Bản án giao diện tích đất 1.944 m² cho bà.

Mặc dù vậy, ngày 24/10/2022 bà Lê Thị Th khởi kiện đến Tòa án với lý do: Bản án của Tòa án đã tạm giao cho bà 1.944 m², nhưng ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Danh, bà Nguyễn Thị Ng đã sử dụng, làm nhà, trồng nhiều cây cối và đã đổ 1.000m³ đất san lấp, cản trở không cho bà sử dụng đất. Vì vậy, bà Lê Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn chấm dứt các hành vi cản trở quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình xây dựng và tài sản ra khỏi phần đất của bà.

Theo đơn khởi kiện của bà Th: Các tài sản của bị đơn hình thành trên phần đất tạm giao cho bà Th sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo quy định Tại khoản 5 Điều 71, Điều 117 Luật thi hành án dân sự về “Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ” và “Cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất” thì: *‘Trường hợp tài sản gắn liền với đất hình thành sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thì Chấp hành viên yêu cầu người có tài sản đó tháo dỡ hoặc chuyển tài sản ra khỏi diện tích đất phải chuyển giao cho người được thi hành án. Nếu người có tài sản không thực hiện thì Chấp hành viên cưỡng chế tháo dỡ hoặc chuyển tài sản ra khỏi diện tích*

đất phải chuyển giao, trừ trường hợp đương sự có thỏa thuận khác. Chi phí cưỡng chế do người có tài sản chịu”.

Như vậy, yêu cầu trên của bà Lê Thị Th là yêu cầu về tranh chấp quyền sử dụng đất đã được Tòa án giải quyết bằng Bản án có hiệu lực pháp luật nhưng chưa thi hành xong. Những vấn đề trong đơn khởi kiện phát sinh sau khi bản án có hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án.

Ngày 24/10/2022, bà Lê Thị Th nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn chấm dứt các hành vi cản trở quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình xây dựng và tài sản ra khỏi phần đất đã được Tòa án tạm giao cho bà quản lý, nhưng Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thụ lý, giải quyết vụ án không thuộc thẩm quyền của Tòa án quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

[3] Về xử lý tiền tạm ứng án phí DSST và DSPT:

- Trả lại cho nguyên đơn bà Lê Thị Th 950.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST.

- Trả lại cho bị đơn 300.000 đồng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217; khoản 4 Điều 308; Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Ng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ph:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị và đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Về xử lý tiền tạm ứng án phí DSST và DSPT: Căn cứ khoản 3 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

- Trả lại cho nguyên đơn bà Lê Thị Th số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 950.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000246 ngày 23/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Trị.

- Trả lại cho bị đơn ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Ng số tiền tạm ứng án phí DSPT đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000399 ngày 28/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Trị.

- Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ph số tiền tạm ứng án phí DSPT đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số

0000400 ngày 28/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Trị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Q. Trị;
- TAND h. H;
- Chi cục THADS h H;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Phương

